TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thanh Thủy
2. Ông Lê Hợp Huyên

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Lan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 98/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm N, xã Đ, tỉnh Nghệ An

-Bị đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm: 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - phân khu A, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: bà H và ông Đ kết hôn vào ngày 26 tháng 06 năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Đ, tỉnh Nghệ An), hôn nhân tự nguyện. Sau kết hôn chung sống hạnh phúc, được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ mắc chứng nghiện ma túy, hiện đang đi cai nghiện ở trại, nếu bà H cứ tiếp tục sống cùng người nghiện là không ổn về sau này, vì nhiều lần bà H đã khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi, không có trách nhiệm vun đắp cho gia đình; bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên đề nghị được giải quyết cho ly hôn với ông Trương Văn Đ.

+ Về con chung: Bà H và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ bà H đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); xác nhận thông tin cư trú của bà H, ông Đ (bản gốc); căn cước công dân của bà H, ông Đ; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải (bản gốc); Biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của ông Trương văn Đ tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - phân khu 1, Nghệ An khi Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ông Đ trình bày:

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như bà H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn khi ông Đ nghiện ma túy. Đến tháng 05/2025 ông Đ đi cai nghiện, thỉnh thoảng bà H có vào thăm; nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

+ Về con chung: Bà H và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An thu thập gồm:

Biên bản ghi nhận ý kiến của ông Trương Văn Đ tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - phân khu 1, Nghệ An; Biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà H và ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong quá trình tố tụng và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 8, 35, 39, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 238 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, - Luật Hôn nhân gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trương Văn Đ.

Về nuôi con chung: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ không có con chung,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An giải quyết ly hôn với ông Trương Văn Đ; ông Đ hiện đăng ký thường trú tại xóm Đ, xã Đ, tỉnh Nghệ An; hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - phân khu A, Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 - BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà H và ông Đ đều trình bày do ông Đ nghiện ma túy, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, phía ông Đ không thay đổi mặc dù đã được bà H khuyên ngăn; ông Đ cũng đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của bà H nhưng do đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở, nên không thể thỏa thuận; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông Đ, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông Đ như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.4]. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51; 56; 57- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H; cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trương Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

3. *Về chia tài sản*: Bà Trần Thị H và ông Trương Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002323 ngày 06/04/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh N (bà H đã nộp đủ tiền án phí).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan